

Bản án số 92/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/12/2019

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2019 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXX-ST ngày 06/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lương Đức T, sinh ngày 10/7/1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:**Chị Feng Shih,C, sinh ngày 08/5/1985.

Số chứng minh nhân dân: R260093***; Hộ chiếu số: 301048***.

Quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ hộ tịch: Số 6, ngõ 8, đường H, xóm 8, phường B, khu G, thành phố Cao Hùng, Đài Loan.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lương Đức T trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và chị Feng Shih, C chung sống với nhau trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 22/3/2016 tại UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Việt Nam). Sau khi kết hôn thì chị Feng Shih, C trở

về Đài Loan làm việc, sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng hay liên lạc với nhau. Khoảng 2 năm nay thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa vì bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị Feng Shih, C.

- Về con chung : Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Do điều kiện công việc nên tôi xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án. Tôi xin giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

* Về phía bị đơn là chị Feng Shih, C có địa chỉ tại:Số 6, ngõ 8, đường H, xóm 8, phường B, khu G, thành phố Cao Hùng, Đài Loan.Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (Việt Nam) đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 20/UTTPDS-TA5 ngày 27/02/2019 gửi Bộ Tư pháp về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật (Hồ sơ ủy thác tư pháp số 19/UTTPDS-TA5 ngày 27/02/2019).

Tại văn số 2653/BTP-PLQT ngày 19/8/2019 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thể hiện nội dung: *“Bộ Tư pháp đã nhận được Văn bản số 1080061237 ngày 25/7/2019 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý cơ quan tại công văn số 20/UTTPDS-TA5 ngày 27/02/2019 đối với đương sự Feng Shih, C có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 12/7/2019 bằng phương thức gửi Hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an. Bộ Tư pháp xin gửi văn bản nói trên và các tài liệu kèm theo để Quý cơ quan giải quyết theo thẩm quyền”*.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Feng Shih, C vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Lương Đức T.

Tại phiên tòa anh Lương Đức T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Feng Shih, C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của anh Lương Đức T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì anh Lương Đức T chấp hành đúng quy định pháp luật, chị Feng Shih, C không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị

HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Lương Đức T được ly hôn chị Feng Shih, C; về con chung không có nên không giải quyết; tài sản chung, công nợ anh Lương Đức T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết; Chi phí tố tụng anh Lương Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lương Đức T là công dân có địa chỉ cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện anh Lương Đức T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Feng Shih, C, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Chị Feng Shih, C có địa chỉ hộ tịch tại: Số 6, ngõ 8, đường H, xóm 8, phường B, khu G, thành phố Cao Hùng, Đài Loan. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Đức T xin vắng mặt tại phiên tòa nên sự vắng mặt của anh T là có lý do. Chị Feng Shih, C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Feng Shih, C theo quy định tại các Điều 474, Điều 475 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng chị Feng Shih, C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lương Đức T, chị Feng Shih, C.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Lương Đức T và chị Feng Shih, C có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2016 tại UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Việt Nam). Vì vậy, HĐXX xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay anh Lương Đức T xin được ly hôn chị Feng Shih, C.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lương Đức T và chị Feng Shih, C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Lương Đức T được ly hôn chị Feng Shih, C.

[4]. Về con chung: Anh Lương Đức T khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lương Đức T khai vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Lương Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lương Đức T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Lương Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000261 ngày 27/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lương Đức T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Anh Lương Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000524 ngày 26/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lương Đức T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 474; Điều 475; Điều 476; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Lương Đức T được ly hôn chị Feng Shih, C.

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: Anh Lương Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí

tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lương Đức T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Lương Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000261 ngày 27/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lương Đức T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Anh Lương Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000524 ngày 26/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lương Đức T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Feng Shih, C hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Lương Đức T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng